

Bản án số: 32/2025/HN&GD-ST

Ngày: 11-9-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Tâm.

2/ Ông Võ Trọng Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HN&GD ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HN&GD ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị M, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn 4, xã Bt, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là xã Bt, tỉnh Quảng Trị mới).

- **Bị đơn:** Anh Lê Hồng S, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số nhà 46, đường số 8, tổ 1, thôn 6, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là thôn Mp 6, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng mới).

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2021, chị M và anh Lê Hồng S kết hôn tại UBND xã Mp, Đức Linh, Bình Thuận. Sau ngày cưới, vợ chồng sống ở một căn nhà thuộc quyền sở hữu của anh S. Tuy nhiên, anh S đã nghiện ma túy và thường xuyên đánh đập chị M. Chị M không muốn chịu đựng nữa nên đã đưa con về ở nhà mẹ ruột ở Quảng Bình sinh sống từ tháng 4/2024 đến nay.

Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương quý trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được, nên chị M yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh S có với nhau 01 con chung tên Lê Ngọc Tú Vy, sinh ngày 16/7/2021. Khi ly hôn chị M yêu cầu mình sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, anh S và chị M tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Chị M nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh S và chị M có với nhau 01 con chung tên Lê Ngọc Tú Vy, sinh ngày 16/7/2021. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn, không yêu cầu giải quyết tranh chấp về tài sản chung và nợ.

+ Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị M ly hôn anh Lê Hồng S.
2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị M quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Ngọc Tú Vy, sinh ngày 16/7/2021.
3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ.
4. Buộc chị M chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Phan Thị M khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Lê Hồng S; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn Mp 6, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án **ly hôn, tranh chấp về nuôi con** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị M và anh S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị M và anh S sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị M và anh S là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cho nên chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Quảng Bình để sinh sống, dẫn đến chị M và anh S ly thân cho đến nay; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị M kiên quyết xin ly hôn anh S; tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/8/2025, anh S đồng ý ly hôn chị M.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh S.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 583, đăng ký ngày 01/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng) thì có cơ sở để khẳng định cháu Lê Ngọc Tú Vy, sinh ngày 16/7/2021 là con chung của chị M và anh S.

Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh S đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ý kiến của chị M và anh

S là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị ly hôn anh Lê Hồng S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35, đăng ký ngày 09/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng) giữa chị Phan Thị M và anh Lê Hồng S hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị M quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Ngọc Tú Vy, sinh ngày 16/7/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Phan Thị M phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu số 0000418 ngày 15/7/2025. **Chị Phan Thị M đã nộp đủ tiền án phí.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 17;
- Chi cục THADS khu vực 17;
- UBND xã Nt, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Bt, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

Mai Thuận